

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 169/2021/HS-ST

Ngày: 25/3/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;

2. Ông Huỳnh Thế Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 125/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Trần Thị Ngọc N**; Tên gọi khác: Trần Thị Ngọc H; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1995; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S; Nơi ở hiện nay: Tổ A, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Trần Văn G, sinh năm 1967 (Còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T - Sinh năm 1969 (Còn sống); Gia đình có 02 chị em, N là con thứ hai; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang tạm giữ ngày 08-9-2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1273/LTG ngày 17-9-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Trần Thị Ngọc N (Tên gọi khác là Trần Thị Ngọc H) là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 13 giờ ngày 08/9/2020, N đến khu vực công viên T thuộc phường L, thành phố B và mua của 01 người đàn ông tên Cường (Chưa rõ lai lịch) 01 gói ma túy đá với giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). N mang ma túy về nhà trọ không số thuộc tổ A, khu phố V, phường P, thành phố B, N chia thành 08 gói nhỏ, N cất 08 gói ma túy vào 01 hộp hình chữ nhật và bỏ hộp trên vào áo ngực bên phải đang mặc.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi N đang cất giấu số ma túy nêu trên trong người và đứng trước phòng trọ địa chỉ trên thì bị Công an phường P kiểm tra phát hiện bắt quả tang N cùng tang vật.

- Vật chứng:

+ 08 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (Ký hiệu M) được niêm phong có chữ ký ghi rõ họ tên Trần Thị Ngọc N và hình dấu tròn đỏ Công an phường P.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s có số Imei 35386072948837, 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) của N không liên quan đến việc phạm tội.

- Tại kết luận giám định số 2162/KLGD-PC09 ngày 16-9-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (M) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,9583 gam, loại: Methamphetamine.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 187/CT-VKSBH-HS ngày 10/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Áp dụng điểm c khoản 1, Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc N từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Bị cáo N có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

3. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, kết luận giám định, biên bản lấy lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 15 giờ ngày 08/9/2020, tại nhà trọ không số thuộc tổ A, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trần Thị Ngọc N có hành vi tàng trữ trái phép 0,9583 gam Methamphetamine thì bị Công an phường P phát hiện bắt quả tang.

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 187/CT-VKSBH-HS ngày 10/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, góp phần làm gia tăng các tệ nạn xã hội, ảnh

hưởng đến đời sống cộng đồng. Bị cáo nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

- **Về nhân thân:** Bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự).

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo N để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng:

- Vật chứng được kết luận là ma túy thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s có số Imei 35386072948837 cho N do không liên quan đến việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) của N để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị mức hình phạt là phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc N **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính ngày 08/9/2020.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong số 2162/KLGD-PC09 ngày 16-9-2020. Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 3 năm 2021.

- Trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s có số Imei 35386072948837 cho N do không liên quan đến việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) của N để đảm bảo thi hành án, theo Biên lai thu tiền số 000631 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Trần Thị Ngọc N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hòa